

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /2019/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 03 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bến Tre

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2552/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp phí; tổ chức thu phí; tổ chức cá nhân khác liên quan đến thu, nộp phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung do cơ quan địa phương thẩm định.

Điều 2. Đối tượng nộp phí và cơ quan thu phí

1. Đối tượng nộp phí

Các tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở địa phương thực hiện thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Cơ quan thu phí

Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Bến Tre.

Điều 3. Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Bến Tre

1. Mức thu, nộp phí:

a) Trường hợp thẩm định lần đầu

TT	Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng)	Mức phí thẩm định (triệu đồng)	
		Trường hợp I	Trường hợp II
1	Đến 10	6	4
2	Trên 10 đến 20	9	6
3	Trên 20 đến 50	15	10
4	Trên 50 đến 100	27	18
5	Trên 100 đến 200	30	20
6	Trên 200 đến 500	39	26
7	Trên 500 đến 1.000	44	29,3
8	Trên 1.000	48	32

Trường hợp I: Áp dụng đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt được thẩm định.

Trường hợp II: Áp dụng đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp thẩm định lại phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung: Mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.

2. Nộp phí

a) Người nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh vào tài khoản phí của cơ quan thu phí mở tại Kho bạc nhà nước.

b) Cơ quan thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí phải nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ số tiền phí được để lại.

3. Quản lý và sử dụng phí

a) Cơ quan thu phí nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước và để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải cho hoạt động thẩm định, thu phí và còn lại theo quy định hiện hành.

b) Tiền phí để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2019. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các Sở: TN&MT; Tài chính; Tư pháp;
- Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh, Trung tâm TTĐT;
- Lưu: VT. w

CHỦ TỊCH



Phan Văn Mãi